

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Mẫu số 01-A
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13/2024/ODE/CBTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE**

- Mã chứng khoán: **ODE**, sàn giao dịch **Upcom**
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 7306 0666 Fax:
- Email: Website:

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không



Mẫu số 01-A

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23 / 3 /2024 tại đường dẫn: <https://ode.vn/bao-cao-tai-chinh/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC đã được kiểm toán năm 2023.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Mỹ Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ
GIẢI TRÍ ODE**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên
Ông Cao Phi Hùng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Hà Anh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Đình Đức	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc
Ông Cao Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đức	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

001
C
T
KIỂM
Đ
L
VI
V
G

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,

Đinh Chí Hiếu
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

Số: 0513 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đào Đức Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4202 -2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.510.185.688	150.366.850.302
I. Tiền	110	4	14.381.520.969	3.822.193.094
1. Tiền	111		14.381.520.969	3.822.193.094
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.773.712.029	116.954.366.492
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	72.646.913.547	116.203.982.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.029.748.641	741.916.136
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	45.930.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.167.049.841	8.467.730
III. Hàng tồn kho	140	9	8.349.081.472	29.464.943.980
1. Hàng tồn kho	141		8.349.081.472	29.464.943.980
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.871.218	125.346.736
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.306.054	125.346.736
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.565.164	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.387.689.879	25.238.557.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		14.284.072.909	17.082.607.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.884.072.921	2.982.607.521
- Nguyên giá	222		4.551.693.354	4.551.693.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.667.620.433)	(1.569.085.833)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	12.399.999.988	14.099.999.992
- Nguyên giá	228		16.000.000.000	16.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.600.000.012)	(1.900.000.008)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.103.616.970	8.150.949.742
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.103.616.970	8.150.949.742
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		165.897.875.567	175.605.407.557

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.818.379.596	49.885.822.725
I. Nợ ngắn hạn	310		36.818.379.596	49.885.822.725
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	27.273.265.009	39.642.102.438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		257.782.403	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6.060.223.766	5.469.566.607
4. Phải trả người lao động	314		2.884.617.418	4.526.585.689
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		342.491.000	247.567.991
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.079.495.971	125.719.584.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	129.079.495.971	125.719.584.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.079.495.971	25.719.584.832
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.719.584.832	17.980.853.815
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.359.911.139	7.738.731.017
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		165.897.875.567	175.605.407.557



Nguyễn Hoàng Phương
 Người lập biểu/Kế toán trưởng




Hoàng Thị Mỹ Bình
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	86.799.553.498	133.545.354.366
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		86.799.553.498	133.545.354.366
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	69.259.458.854	103.595.769.389
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.540.094.644	29.949.584.977
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	5.433.677.497	18.502.967
6. Chi phí bán hàng	25		19.090.902	752.789.942
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	17.534.411.566	18.649.119.976
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		5.420.269.673	10.566.178.026
9. Thu nhập khác	31		136.373.402	157.955.456
10. Chi phí khác	32		580.911.850	540.575.769
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(444.538.448)	(382.620.313)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.975.731.225	10.183.557.713
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	1.615.820.086	2.444.826.696
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.359.911.139	7.738.731.017
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	336	774


Nguyễn Hoàng Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN


Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.975.731.225	10.183.557.713
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.798.534.604	2.626.740.299
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.375.526.577)	(18.502.967)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.398.739.252	12.791.795.045
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	43.488.615.876	(59.364.474.496)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.115.862.508	(4.723.895.584)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.666.490.144)	27.430.079.341
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.169.373.454	(4.300.504.931)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.368.827.462)	(3.231.654.644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.137.273.484	(31.398.655.269)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(647.945.609)	(295.793.216)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.500.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.570.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	18.502.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.577.945.609)	(277.290.249)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	10.559.327.875	(31.675.945.518)
Tiền đầu năm	60	3.822.193.094	35.498.138.612
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	14.381.520.969	3.822.193.094


Nguyễn Hoàng Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty", trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107602021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 và sửa đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 02 tháng 8 năm 2021. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND, được chia thành 10.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8089/UBCK-GSĐC ngày 03 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 51 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 115 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý, đầu tư;
- Cổng thông tin;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, sáng tác, nghệ thuật và giải trí, nhiếp ảnh, trang trí nội thất, thiết kế website, thiết kế đồ họa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in;
- Xuất bản catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;
- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về cuộc họp;
- Dịch vụ sắp xếp thư;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động của các điểm truy cập internet, hoạt động viễn thông có dây, không dây, dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; phát hành phim điện ảnh, phim video, chiếu phim, hậu kỳ, ghi âm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm;
- Bán buôn, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là truyền thông và quảng cáo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, giá gốc hàng tồn kho là chi phí của các dự án dở dang với giá trị được xác định bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung và khối lượng các hạng mục công việc được hoàn thành bởi các nhà cung cấp và được nghiệm thu bởi các bên. Đối với hàng hóa, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh cho từng dự án và cho từng lô hàng hóa. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	3
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể ghi nhận được tài sản cố định vô hình tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu phát triển được hạch toán vào khoản lãi hoặc lỗ trong năm tài chính phát sinh chi phí đó.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	44.471.167	1.000.109.754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.337.049.802	2.822.083.340
	14.381.520.969	3.822.193.094

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	19.896.840.000	728.538.840
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La	16.038.000.000	257.422.320
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Biên	14.536.800.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	10.805.400.000	1.824.795.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	5.804.590.520	62.745.219.141
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	178.825.580	10.004.832.622
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	74.520.000	12.031.008.784
Khác	5.311.937.447	28.612.165.919
	72.646.913.547	116.203.982.626
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan chủ yếu (Chi tiết tại Thuyết minh số 24)	37.347.953.856	8.817.503.818

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Liên doanh hội chợ và Triển lãm Sài Gòn	489.250.000	489.250.000
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Ngân Hà	300.000.000	-
Khác	240.498.641	252.666.136
	1.029.748.641	741.916.136

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH BĐS Đức Tú (i)	23.980.000.000	-
Công ty TNHH Ngôi nhà Việt VIETHOME (ii)	21.950.000.000	-
	45.930.000.000	-

(i) Phản ánh khoản cho Công ty TNHH BĐS Đức Tú vay tín chấp theo hợp đồng cho vay số 01/2023/HĐVV/ODE-DT ngày 22 tháng 3 năm 2023 với hạn mức 30.000.000.000 VND, lãi suất vay trong hạn 12%/năm, lãi suất vay quá hạn 18%/năm và thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 22 tháng 3 năm 2023). Khoản lãi vay được trả cùng gốc vay khi kết thúc thời hạn vay. Trong năm 2023, Công ty đã thu được một phần gốc vay với số tiền 6.020.000.000 VND.

(ii) Phản ánh khoản cho Công ty TNHH Ngôi nhà Việt VIETHOME vay tín chấp theo hợp đồng cho vay số 02/2023/HĐVV/ODE-VH ngày 23 tháng 3 năm 2023 với hạn mức 28.000.000.000 VND, lãi suất vay trong hạn 12%/năm, lãi suất vay quá hạn 18%/năm và thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 23 tháng 3 năm 2023). Khoản lãi vay được trả cùng gốc vay khi kết thúc thời hạn vay. Trong năm 2023, Công ty đã thu được một phần gốc vay với số tiền 6.050.000.000 VND.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi cho vay dự thu	5.134.375.892	-
Phải thu khác	32.673.949	8.467.730
	5.167.049.841	8.467.730

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.717.911.472	-	29.464.943.980	-
Hàng hoá	3.631.170.000	-	-	-
	8.349.081.472	-	29.464.943.980	-

Chi tiết chi phí các dự án dở dang được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án quảng bá thương hiệu Sunshine	2.880.221.925	7.726.330.887
Dự án Sunshine Heritage	78.631.000	6.084.375.070
Dự án Sunshine Golden River	4.760.444	3.746.104.558
Các dự án khác	1.754.298.103	11.908.133.465
	4.717.911.472	29.464.943.980

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	31.136.250	2.706.171.964	1.105.395.140	708.990.000	4.551.693.354
Số dư cuối năm	31.136.250	2.706.171.964	1.105.395.140	708.990.000	4.551.693.354
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	7.784.064	1.173.638.768	210.415.507	177.247.494	1.569.085.833
Khấu hao trong năm	10.378.752	705.587.220	264.403.632	118.164.996	1.098.534.600
Số dư cuối năm	18.162.816	1.879.225.988	474.819.139	295.412.490	2.667.620.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	23.352.186	1.532.533.196	894.979.633	531.742.506	2.982.607.521
Tại ngày cuối năm	12.973.434	826.945.976	630.576.001	413.577.510	1.884.072.921

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 309.177.482 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73.881.818 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	16.000.000.000
Số dư cuối năm	16.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.900.000.008
Khấu hao trong năm	1.700.000.004
Số dư cuối năm	3.600.000.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	14.099.999.992
Tại ngày cuối năm	12.399.999.988

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.306.054	4.836.430
Các khoản khác	-	120.510.306
	3.306.054	125.346.736
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.352.542.015	4.523.521.389
Các khoản khác	1.751.074.955	3.627.428.353
	4.103.616.970	8.150.949.742

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm VND Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tân Thăng Long	3.928.884.745	2.403.471.960
Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Bất Động Sản S - Việt Nam	1.052.354.293	2.597.018.668
Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Liên Việt	851.962.400	3.201.962.400
Công ty TNHH HTC.COM Việt Nam	755.253.320	2.806.102.541
Khác	20.684.810.251	28.633.546.869
	27.273.265.009	39.642.102.438
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	1.823.758.101	567.653.609

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.500.035.006	7.052.726.364	5.390.050.701	4.162.710.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.414.175.716	1.615.820.086	2.368.827.462	1.661.168.340
Thuế thu nhập cá nhân	528.083.657	1.701.001.012	1.992.739.912	236.344.757
Khác	27.272.228	10.022.199	39.859.591	(2.565.164)
	5.469.566.607	10.379.569.661	9.791.477.666	6.057.658.602
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(2.565.164)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	5.469.566.607			6.060.223.766

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	17.980.853.815	117.980.853.815
Lợi nhuận trong năm	-	7.738.731.017	7.738.731.017
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	25.719.584.832	125.719.584.832
Lợi nhuận trong năm	-	3.359.911.139	3.359.911.139
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	29.079.495.971	129.079.495.971

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	5.000.000.000	5%	5.000.000.000	5%
Cổ đông khác	95.000.000.000	95%	95.000.000.000	95%
	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Doanh thu, giá vốn theo hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 17 và số 18.

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	83.023.916.231	133.545.354.366
Doanh thu bán hàng hóa	3.775.637.267	-
	86.799.553.498	133.545.354.366
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan chủ yếu (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	34.575.883.200	3.335.844.218

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	65.570.738.854	103.595.769.389
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.688.720.000	-
	69.259.458.854	103.595.769.389

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	25.383.829.559	32.811.953.878
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.953.506.482	3.694.359.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.798.534.604	2.626.740.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.226.587.054	87.180.419.122
Chi phí khác bằng tiền	14.751.115	655.312.406
	58.377.208.814	126.968.784.949

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền cho vay	5.375.526.577	-
Lãi tiền gửi	58.150.920	18.502.967
	5.433.677.497	18.502.967

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.745.053.409	6.413.773.541
Chi phí nhân viên quản lý	7.279.017.414	8.436.017.871
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.882.827.660	1.846.719.086
Chi phí vật liệu, công cụ	1.612.761.968	1.300.207.740
Thuế, phí và lệ phí	8.330.044	44.939.552
Chi phí khác bằng tiền	6.421.071	607.462.186
	17.534.411.566	18.649.119.976

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	1.615.820.086	2.444.826.696
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.615.820.086	2.444.826.696

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.975.731.225	10.183.557.713
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	3.103.369.206	2.040.575.769
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	8.079.100.431	12.224.133.482
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	1.615.820.086	2.444.826.696
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.615.820.086	2.444.826.696

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và quyết toán với cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	18.423.000.000	674.573.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	14.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	984.000.000	-
Công ty CP bất động sản Wonderland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	16.883.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	2.661.271.218
		34.575.883.200	3.335.844.218
Bên liên quan			
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Dịch vụ quản trị hệ thống thông tin và cho thuê máy chủ	1.311.480.000	3.634.550.236
Công ty Cổ phần quản lý và vận hành S - Service	Phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	784.066.020	-
		2.095.546.020	3.634.550.236

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	19.896.840.000	728.538.840
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân La	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	16.038.000.000	257.422.320
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.062.720.000	607.048.560
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	330.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	18.233.856	541.887.840
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.160.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclound	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	2.874.172.915
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Phú Thượng	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	389.216.880
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	695.023.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Uniclound	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.679.615.743
Công ty Cổ phần Quản lý Vận hành Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng Matterhorn	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	194.982.040
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartmind	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	849.595.480
		37.347.953.856	8.817.503.818
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Quản lý & Vận hành S-Service	Phải trả phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	1.141.756.101	279.708.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Uniclound	Dịch vụ quản trị hệ thống thông tin và cho thuê máy chủ	682.002.000	287.945.609
		1.823.758.101	567.653.609

Thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm:


	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Cao Phi Hùng	Thành viên HĐQT	31.166.667	-
Ông Nguyễn Hà Anh	Thành viên HĐQT	31.166.667	-
Ông Nguyễn Đình Đức (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)	Thành viên HĐQT	28.833.333	60.000.000
Bà Trần Thị Phương Hoa (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)	Thành viên HĐQT	28.833.333	60.000.000
		360.000.000	360.000.000

Thu nhập và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm:

	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc	2.733.524.281	2.520.894.924
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	837.335.317	1.215.000.000
Ông Cao Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Đình Đức (miễn nhiệm trong năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	-	735.918.367
Bà Nguyễn Hoàng Phương (bổ nhiệm trong năm 2023)	Kế toán trưởng	40.111.111	-
Bà Đỗ Lệ Thủy (miễn nhiệm trong năm 2023)	Kế toán trưởng	260.994.208	302.072.701
		3.871.964.917	4.773.885.992

Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm:

	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Văn Việt	Trưởng BKS	49.866.667	-
Ông Nguyễn Đức Tùng (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)	Trưởng BKS	46.133.333	96.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên BKS	31.166.667	-
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Thành viên BKS	31.166.667	-
Bà Nguyễn Thu Thủy (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)	Thành viên BKS	28.833.333	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Dịu (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2023)	Thành viên BKS	28.833.333	60.000.000
		216.000.000	216.000.000


Nguyễn Hoàng Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2024